

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 4179 /CV-VP HĐQT.22

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Công ty: **NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

Mã chứng khoán: **ACB**

Trụ sở chính : 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-28) 3929 0999

Fax : (84-28) 3839 9885

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đàm Văn Tuấn

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-28) 3929 0999

Fax : (84-28) 3839 9885

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, Ngân hàng TMCP Á Châu đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tại Khách sạn Sheraton Sài Gòn, số 88, Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Nghị quyết và biên bản họp đã được đăng tải trên website của Ngân hàng tại đường dẫn <http://acb.com.vn/vn/about/nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin> từ ngày 08 tháng 4 năm 2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP HĐQT, Ph TH.



Đàm Văn Tuấn
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thực hiện theo Phụ lục II (Ban hành kèm theo Quyết định số 515/QĐ-UBCK ngày 25/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Quy trình thực hiện công bố thông tin trên công thông tin điện tử của UBCKNN và báo cáo UBCKNN cho các đối tượng tham gia thị trường chứng khoán.)

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

Số: 64 /CVNB-ĐHĐCĐ.22

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2022

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU NĂM 2022**

I. TỔNG QUÁT.

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp:

- Tên: Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).
- Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Mã số doanh nghiệp: 0301452948.

2. Thời gian: Từ 08 giờ 35 phút, thứ Năm ngày 07 tháng 4 năm 2022.

3. Địa điểm: Khách sạn Sheraton Sài Gòn, 88 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

4. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

4.1 Căn cứ kết quả báo cáo của Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội vào lúc 8 giờ 44 phút, tổng số cổ đông dự họp và được ủy quyền dự họp là: **373 cổ đông**, đại diện **1.765.583.213** cổ phần, tương ứng **65,34%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 33 Điều lệ ACB, Đại hội cổ đông thường niên ACB đủ điều kiện để tiến hành họp và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành.

4.2 Khách mời:

- Bà Vũ Thị Kim Oanh, Trưởng phòng Quản lý, giám sát chi nhánh TCTD ngoài Nhà nước, NHNN CN TP. HCM;
- Ông Nguyễn Tiến Anh, Chuyên viên chính, Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM;
- Bà Hoàng Thị Lương Trang: Phó giám đốc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, CN TP. HCM;
- Ông Nguyễn Hoàng Nam, Phó Tổng giám đốc, Công ty TNHH PwC (Việt Nam.)

5. Chủ tọa đoàn:

- Ông Trần Hùng Huy, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT), Chủ tọa;
- Ông Nguyễn Thành Long, Phó Chủ tịch HĐQT;
- Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp, Trưởng Ban kiểm soát (BKS);
- Ông Từ Tiên Phát, Tổng giám đốc.

6. Các thành viên HĐQT và BKS:

- Các thành viên HĐQT tham dự trực tiếp: Ông Đàm Văn Tuấn, ông Hiep Van Vo. Thành viên tham dự bằng hình thức trực tuyến: Bà Đặng Thu Thủy.
 - Các thành viên BKS tham dự Đại hội: Bà Nguyễn Thị Minh Lan, bà Hoàng Ngân và bà Phùng Thị Tốt.
7. Ông Nguyễn Hồng Tản, Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông, đọc Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông và báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông, thông báo số lượng cổ đông tham gia hoặc được ủy quyền tham gia, số cổ phần đại diện, tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết, xác định Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 có đủ điều kiện tiến hành và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành.
 8. Ông Trần Hùng Huy, Chủ tọa Đại hội, phát biểu khai mạc.
 9. Chủ tọa đoàn chỉ định Thư ký Đại hội: Bà Phan Lạc Kim Trinh, Thư ký công ty.
 10. Ông Đàm Văn Tuấn, Thành viên HĐQT, thừa ủy nhiệm của Chủ tọa đoàn, giới thiệu chương trình họp.
 11. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chương trình họp bằng hình thức giơ tay với tỷ lệ tán thành 100%; không tán thành 0%; và không có ý kiến 0%.
 12. Ông Đàm Văn Tuấn, thừa ủy nhiệm Chủ tọa, đề cử thành phần Ban kiểm phiếu, gồm ông Nguyễn Hồng Tản (Trưởng phòng Pháp chế) làm Trưởng Ban và các thành viên là ông Nguyễn Trung Nghĩa (Trưởng phòng Tuân thủ) và ông Huỳnh Văn Sơn (Chuyên viên Văn phòng HĐQT.)
 13. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thành phần Ban kiểm phiếu bằng hình thức giơ tay với tỷ lệ tán thành 99,999%; không tán thành 0%; và không có ý kiến 0,001%.

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI.

1. **Đọc Tờ trình về việc thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.**
2. **Cổ đông biểu quyết về Quy chế biểu quyết bằng tờ biểu quyết.**
3. **Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết về Quy chế biểu quyết.** Kết quả là Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế biểu quyết. (*Biên bản kiểm phiếu về Quy chế biểu quyết đính kèm.*)
4. **Đọc các báo cáo và tờ trình.**
 - 4.1 Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;
 - 4.2 Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2021;
 - 4.3 Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021;
 - 4.4 Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2022;

- 4.5 Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2021 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
- 4.6 Tờ trình về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022;
- 4.7 Tờ trình về việc ủy quyền phê duyệt xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng;
- 4.8 Tờ trình về việc bổ sung Điều lệ về thẩm quyền quyết định mức bồi thường trong trường hợp tổn thất về tài sản đối với khoản nợ do nguyên nhân chủ quan;
- 4.9 Tờ trình về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức họp trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác.

5. **Đại hội thảo luận các vấn đề tại Mục II.4**

- Cổ đông nêu ý kiến và đặt câu hỏi về một số nội dung liên quan đến kết quả hoạt động năm 2021, kế hoạch kinh doanh năm 2022 và những điểm trọng yếu trong chiến lược hoạt động kinh doanh của ACB trong các năm tới. Cụ thể như sau:
 - Tình hình kinh doanh của ACB, cập nhật đến quý 1/2022; dự kiến biên sinh lời năm 2022 và các kịch bản tăng trưởng đối với chỉ tiêu lợi nhuận năm 2022.
 - Kế hoạch tăng trưởng bancassurance năm 2022 và lợi thế cạnh tranh của ACB trong mảng kinh doanh này.
 - Tình hình huy động tiền gửi thanh toán không kỳ hạn.
 - Chất lượng nợ và cơ cấu danh mục tín dụng hiện tại của ACB.
 - Hiệu quả kinh doanh của công ty con ACBS trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.
 - Khẩu vị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của ACB.
 - Những mục tiêu cụ thể trong chiến lược phát triển ngân hàng số của ACB.
 - Các điểm trọng yếu trong chiến lược kinh doanh của ACB trong 03 năm tới.
- Đoàn Chủ tọa trả lời đầy đủ câu hỏi của cổ đông và ghi nhận ý kiến của cổ đông.

6. **Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông cập nhật số lượng cổ đông tham dự Đại hội.**

Vào lúc 10 giờ 43 phút, tổng số cổ đông dự họp và được ủy quyền dự họp là: **490 cổ đông**, đại diện cho **1.866.639.485 cổ phần**, tương ứng **69,08%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

7. **Cổ đông biểu quyết 09 vấn đề tại Mục II.4 bằng tờ biểu quyết.**

8. **Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết 09 vấn đề.** Kết quả là Đại hội đồng cổ đông thông qua 09 vấn đề. (*Biên bản kiểm phiếu 09 vấn đề đính kèm.*)

III. NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI PHIÊN HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2022.

1. Thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)

2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2021, và thông qua kế hoạch hoạt động năm 2022 với các chỉ tiêu tài chính tín dụng (hợp nhất) trọng yếu như sau:
- Tổng tài sản tăng 11%, ước đạt 588.187 tỷ đồng;
 - Tiền gửi khách hàng tăng 11%, ước đạt 421.897 tỷ đồng;
 - Dự nợ cho vay tăng 10%, ước đạt 398.299 tỷ đồng;
 - Lợi nhuận trước thuế tăng 25%, ước đạt 15.018 tỷ đồng;
 - Tỷ lệ nợ xấu (N3 – N5) dưới 2%.
3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 của Ngân hàng TMCP Á Châu. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
4. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 24/02/2022 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội và các báo cáo tài chính đăng trên trang thông tin điện tử www.acb.com.vn.)
5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB năm 2021	11.998.112.010.971
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.395.366.052.076
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	9.602.745.958.895
3a	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)	9.096.278.364.680
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	1.572.213.525.759
4a	Quỹ DTBSVDL của ACB (3a x 5%)	454.813.918.234
4b	Quỹ dự phòng tài chính của ACB (3a x 10%)	909.627.836.468
4c	Quỹ của các công ty con	57.771.771.057
4d	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	150.000.000.000
5	Lợi nhuận 2021 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	8.030.532.433.136
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	2.264.819.372.236
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2021 (5+6)	10.295.351.805.372
8	Vốn điều lệ ACB	27.019.480.750.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.701.948.075
10	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2021	2.701.948.075
11	Chia cổ tức năm 2021 (25% cổ phiếu)	6.754.870.190.000
12	Lợi nhuận còn lại (7-11)	3.540.481.615.372

– Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2022:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB năm 2022	15.018.000.000.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.003.600.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	12.014.400.000.000
3a	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)	11.494.400.000.000
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	2.002.160.000.000
	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	200.000.000.000
5	Lợi nhuận 2022 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	10.012.240.000.000
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	3.540.481.615.372
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2022 (5+6)	13.552.721.615.372
8	Vốn điều lệ ACB	27.019.480.750.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.701.948.075
10	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức 2021 (25%)	675.487.019
11	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2022 (9+10)	3.377.435.094
12	Chia cổ tức năm 2022 (25%: cổ phiếu 15%, tiền mặt 10%)	8.443.587.734.000
13	Lợi nhuận còn lại (7-12)	5.109.133.881.372

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo quy định của pháp luật.
6. Thông qua phương án tăng mức vốn điều lệ từ cổ tức năm 2021 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:
- Thông qua việc tăng mức vốn điều lệ từ 27.019.480.750.000 đồng lên 33.774.350.940.000 đồng (tăng thêm 6.754.870.190.000 đồng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
 - Thông qua việc thay đổi mức vốn điều lệ ghi trong Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu từ 27.019.480.750.000 đồng lên 33.774.350.940.000 đồng.
 - Thông qua phương án tăng mức vốn điều lệ, phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.
 - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc có liên quan theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
7. Thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2022 là 0,6% (không phải sáu phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2022.

8. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt các trường hợp khách hàng đã xử lý rủi ro đủ điều kiện đề xuất toán ngoại bảng theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành trong từng thời kỳ.

Hội đồng quản trị báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về việc xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng (nếu có phát sinh) tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

9. Thông qua việc bổ sung nội dung một khoản, đánh số thứ tự là 27, tại Điều 45 Điều lệ, về “Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị,” cụ thể như sau:

“27. Quyết định mức bồi thường, cơ chế bồi thường và các vấn đề khác có liên quan đến việc bồi thường trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh tổn thất về tài sản đối với khoản nợ do nguyên nhân chủ quan.”

10. Thông qua việc giao cho Hội đồng quản trị quyền lựa chọn và quyết định phương thức tổ chức họp đại hội đồng cổ đông, thường niên hoặc bất thường, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, các hình thức điện tử khác hoặc kết hợp các hình thức trên.

IV. KẾT THÚC ĐẠI HỘI.

1. Ông Trần Hùng Huy, Chủ tọa Đại hội, phát biểu.
2. Đọc dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Cổ đông biểu quyết về Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu về Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Kết quả là Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản họp. *(Biên bản kiểm phiếu Biên bản họp đính kèm).*
5. Chủ tọa Đại hội phát biểu bế mạc.
6. Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 40 phút cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Phan Lạc Kim Trinh

TM. CHỦ TỌA ĐOÀN ^{luan}
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU VỀ QUY CHẾ BIỂU QUYẾT

Hôm nay ngày 07/4/2022, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Số lượng cổ đông dự họp:

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 04/3/2022): 64.971 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 2.701.948.075 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 2.701.948.075 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 462 cổ đông, chiếm 0,71% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 1.860.489.899 cổ phần, chiếm 68,86% số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.822.932.118 cổ phần, chiếm 97,98% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 37.557.781 cổ phần, chiếm 2,02% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:

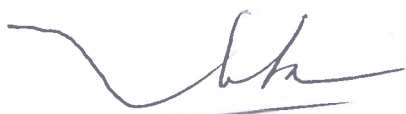
- + **Tán thành:** 340 cổ đông, chiếm 73,59% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.822.881.683 cổ phần, chiếm 97,98% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- + **Không có ý kiến:** 7 cổ đông, chiếm 1,52% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 50.435 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.


III. Kết luận:

Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

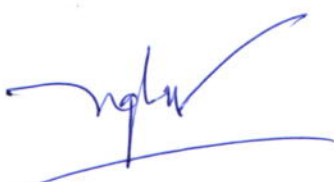
Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 07/4/2022.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU


Nguyễn Trung Nghĩa


Trần Văn Sơn

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU


Nguyễn Hồng Tài

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU CÁC VẤN ĐỀ TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Hôm nay ngày 07/4/2022, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Số lượng cổ đông dự họp:

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 04/3/2022): 64.971 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 2.701.948.075 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 2.701.948.075 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 490 cổ đông, chiếm 0,75% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 1.866.639.485 cổ phần, chiếm 69,08% số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với các vấn đề như sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.863.537.574 cổ phần, chiếm 99,83% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 3.101.911 cổ phần, chiếm 0,17% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 397 cổ đông, chiếm 81,02% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.862.409.167 cổ phần, chiếm 99,77% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 8 cổ đông, chiếm 1,63% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.128.407 cổ phần, chiếm 0,06% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.



2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2021.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.863.536.673 cổ phần, chiếm 99,83% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 3.102.812 cổ phần, chiếm 0,17% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 392 cổ đông, chiếm 80,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.862.389.093 cổ phần, chiếm 99,77% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 11 cổ đông, chiếm 2,24% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.147.580 cổ phần, chiếm 0,06% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

3. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.863.537.412 cổ phần, chiếm 99,83% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 3.102.073 cổ phần, chiếm 0,17% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 392 cổ đông, chiếm 80,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.861.440.529 cổ phần, chiếm 99,72% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 12 cổ đông, chiếm 2,45% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.096.883 cổ phần, chiếm 0,11% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

4. Phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2022.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.863.537.574 cổ phần, chiếm 99,83% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 3.101.911 cổ phần, chiếm 0,17% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 384 cổ đông, chiếm 78,37% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.861.283.891 cổ phần, chiếm 99,71% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 4 cổ đông, chiếm 0,82% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 5.985 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 17 cổ đông, chiếm 3,47% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.247.698 cổ phần, chiếm 0,12% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.



5. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2021 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.863.537.574 cổ phần, chiếm 99,83% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 3.101.911 cổ phần, chiếm 0,17% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 388 cổ đông, chiếm 79,18% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.862.430.619 cổ phần, chiếm 99,77% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 4 cổ đông, chiếm 0,82% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.785 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 13 cổ đông, chiếm 2,65% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.105.170 cổ phần, chiếm 0,06% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

6. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.863.537.574 cổ phần, chiếm 99,83% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 3.101.911 cổ phần, chiếm 0,17% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 371 cổ đông, chiếm 75,71% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.861.900.594 cổ phần, chiếm 99,75% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 4 cổ đông, chiếm 0,82% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 46.285 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 30 cổ đông, chiếm 6,12% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.590.695 cổ phần, chiếm 0,09% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

7. Ủy quyền phê duyệt xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.863.537.574 cổ phần, chiếm 99,83% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 3.101.911 cổ phần, chiếm 0,17% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 366 cổ đông, chiếm 74,69% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.777.721.080 cổ phần, chiếm 95,24% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 20 cổ đông, chiếm 4,08% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 84.533.621 cổ phần, chiếm 4,53% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 19 cổ đông, chiếm 3,88% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.282.873 cổ phần, chiếm 0,07% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.



8. Bổ sung Điều lệ về thẩm quyền quyết định mức bồi thường trong trường hợp tổn thất về tài sản đối với khoản nợ do nguyên nhân chủ quan.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.844.956.249 cổ phần, chiếm 98,84% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 21.683.236 cổ phần, chiếm 1,16% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 9.500, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 373 cổ đông, chiếm 76,12% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.843.135.045 cổ phần, chiếm 98,74% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 6 cổ đông, chiếm 1,22% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 37.675 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 24 cổ đông, chiếm 4,90% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.774.029 cổ phần, chiếm 0,10% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

9. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức họp trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.863.524.871 cổ phần, chiếm 99,83% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 3.114.614 cổ phần, chiếm 0,17% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 357 cổ đông, chiếm 72,86% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.861.167.725 cổ phần, chiếm 99,71% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 22 cổ đông, chiếm 4,49% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 783.682 cổ phần, chiếm 0,04% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 23 cổ đông, chiếm 4,69% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.573.464 cổ phần, chiếm 0,08% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

III. Kết luận:

Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các vấn đề sau:


1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;
2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2021;
3. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021;
4. Phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2022;
5. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2021 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
6. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022;
7. Ủy quyền phê duyệt xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng;




8. Bổ sung Điều lệ về thẩm quyền quyết định mức bồi thường trong trường hợp tổn thất về tài sản đối với khoản nợ do nguyên nhân chủ quan;
9. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức họp trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác.

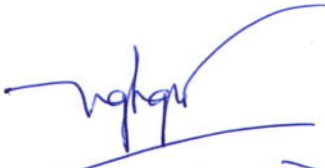
Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 07/4/2022.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU


Nguyễn Trung Nghĩa


H.Đ.Đ.Đ.

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU


Nguyễn Hồng Tài



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU VỀ BIÊN BẢN HỢP

Hôm nay ngày 07/4/2022, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Số lượng cổ đông dự họp:

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 04/3/2022): 64.971 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 2.701.948.075 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 2.701.948.075 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 490 cổ đông, chiếm 0,75% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 1.866.639.485 cổ phần, chiếm 69,08% số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.822.853.158 cổ phần, chiếm 97,65% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 43.786.327 cổ phần, chiếm 2,35% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 13.000, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 366 cổ đông, chiếm 74,69% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.822.789.575 cổ phần, chiếm 97,65% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 9 cổ đông, chiếm 1,84% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 50.583 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

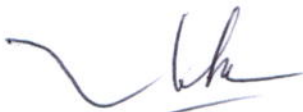
III. Kết luận:


Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.


Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 07/4/2022.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU


Nguyễn Trung Nghĩa


Nguyễn Văn Sơn


Nguyễn Hồng Tài

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-ĐHQĐ.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-ĐHQĐ.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Theo kiến nghị của Hội đồng quản trị tại Tờ trình ngày 08/3/2022 về việc thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 07/4/2022,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.
- Điều 3.** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

Đính kèm:

- Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy



**QUY CHẾ BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Điều 1. Các vấn đề biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 07/4/2022 (Đại hội).

1. Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2021;
4. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021;
5. Phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2022;
6. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2021 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
7. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022;
8. Ủy quyền phê duyệt xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng;
9. Bổ sung Điều lệ về thẩm quyền quyết định mức bồi thường trong trường hợp tổn thất về tài sản đối với khoản nợ do nguyên nhân chủ quan;
10. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức họp trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác;
11. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2022.

Điều 2. Tờ biểu quyết.

1. Mỗi cổ đông được phát 03 Tờ biểu quyết. 03 Tờ biểu quyết này có 11 Thẻ biểu quyết tương ứng với 11 vấn đề cần biểu quyết:

1.1 Tờ biểu quyết thứ nhất:

Tờ biểu quyết này có 01 Thẻ biểu quyết tương ứng với vấn đề “Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.”

1.2 Tờ biểu quyết thứ hai:

Tờ biểu quyết này có 09 Thẻ biểu quyết tương ứng với 09 vấn đề, cụ thể như sau:

- (1) Thẻ biểu quyết về Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;
- (2) Thẻ biểu quyết về Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2021;
- (3) Thẻ biểu quyết về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021;
- (4) Thẻ biểu quyết về việc phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch lợi nhuận và phân

phối lợi nhuận năm 2022;

- (5) Thẻ biểu quyết về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2021 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
- (6) Thẻ biểu quyết về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022;
- (7) Thẻ biểu quyết về việc ủy quyền phê duyệt xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng;
- (8) Thẻ biểu quyết về việc bổ sung Điều lệ về thẩm quyền quyết định mức bồi thường trong trường hợp tổn thất về tài sản đối với khoản nợ do nguyên nhân chủ quan;
- (9) Thẻ biểu quyết về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức họp trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác.

1.3 Tờ biểu quyết thứ ba:

Tờ biểu quyết này có 01 Thẻ biểu quyết tương ứng với vấn đề “Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2022.”

2. Nội dung Tờ biểu quyết bao gồm:

- (1) Kỳ Đại hội, ngày Đại hội;
 - (2) Họ và tên cổ đông;
 - (3) Số cổ phần sở hữu;
 - (4) Số phiếu biểu quyết;
 - (5) Mã vạch để nhận dạng cổ đông (mã số cổ đông);
 - (6) Thẻ biểu quyết tương ứng với từng vấn đề biểu quyết và các trạng thái “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của từng vấn đề biểu quyết.
 - (7) Các nội dung khác (nếu có).
3. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp kiểm tra lại hình thức và nội dung các Tờ biểu quyết của mình, nếu có sai sót thì được đổi Tờ biểu quyết khác.
 4. Để thuận tiện cho việc kiểm phiếu, Tờ biểu quyết phải được giữ ngay thẳng và không được gấp lại.

Điều 3. Cách thức biểu quyết.

1. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp đánh dấu (X) vào ô “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” mà mình lựa chọn cho mỗi vấn đề biểu quyết [X].
 - a. Trường hợp thay đổi ý kiến thì:
 - + Khoanh tròn ô đã lựa chọn [X] và
 - + Đánh dấu (X) vào ô lựa chọn mới [X].
 - b. Trường hợp chọn lại ô đã khoanh tròn thì:
 - + Tô đen ô khoanh tròn đó [●].

2. Thẻ biểu quyết được xem là không hợp lệ nếu:
 - a. Thẻ biểu quyết được đánh dấu X sai vị trí quy định; và/hoặc
 - b. Thẻ biểu quyết được đánh dấu X hoặc tô đen ô khoanh tròn vào cả 02 hoặc 03 ô biểu quyết; và/hoặc
 - c. Thẻ biểu quyết bị tẩy xóa, viết, vẽ hay có bất kỳ ký hiệu nào trên thẻ (ngoài hướng dẫn nêu tại khoản 1 Điều 3 của Quy chế này); và/hoặc
 - d. Thẻ biểu quyết không do Ban tổ chức Đại hội phát hành; và/hoặc
 - e. Thẻ biểu quyết bị rách, không còn nguyên vẹn.
3. Thẻ biểu quyết không đánh dấu X vào bất kỳ ô nào được xem như không tham gia biểu quyết đối với vấn đề tương ứng.
4. Ban kiểm phiếu thu Thẻ biểu quyết theo từng đợt và tiến hành kiểm phiếu.

Điều 4. Điều kiện thông qua các vấn đề.

1. Đối với việc biểu quyết (i) thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2021 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, và (ii) thông qua việc bổ sung Điều lệ về thẩm quyền quyết định mức bồi thường trong trường hợp tổn thất về tài sản đối với khoản nợ do nguyên nhân chủ quan, thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
2. Đối với việc biểu quyết các vấn đề còn lại thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 5. Công bố kết quả kiểm phiếu.

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề nêu tại Điều 1 sẽ được lập thành Biên bản kiểm phiếu đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và được công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 6. Điều khoản thi hành.

Quy chế này có hiệu lực kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và áp dụng cho việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 07/4/2022 của Ngân hàng TMCP Á Châu.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022**



TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Báo cáo của Hội đồng quản trị ngày 08/3/2022 về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 07/4/2022,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2021, và thông qua kế hoạch hoạt động năm 2022 với các chỉ tiêu tài chính tín dụng (hợp nhất) trọng yếu như sau:

- Tổng tài sản tăng 11%, ước đạt 588.187 tỷ đồng;
- Tiền gửi khách hàng tăng 11%, ước đạt 421.897 tỷ đồng;
- Dự nợ cho vay tăng 10%, ước đạt 398.299 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế tăng 25%, ước đạt 15.018 tỷ đồng;
- Tỷ lệ nợ xấu (N3 – N5) dưới 2%.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

Đính kèm:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị ngày 08/3/2022.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy



TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022

1 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021.

1.1 Bối cảnh hoạt động ngân hàng năm 2021.

Tình hình kinh tế xã hội Việt Nam trong năm 2021 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi sau khi đại dịch COVID-19 gây tắc nghẽn trong chuỗi cung ứng toàn cầu, giá cả nhiều mặt hàng gia tăng mạnh so với năm 2020, lạm phát gia tăng nhưng nhìn chung vẫn được kiểm soát. Trong nước, làn sóng dịch Covid-19 bùng phát từ cuối tháng Tư tại nhiều địa phương kinh tế trọng điểm đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng sản phẩm nội địa (GDP) cả năm ước tăng 2,58%¹ so với năm 2020, là mức tăng thấp nhất trong vòng 30 năm. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với năm 2020, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016.²

Trong lĩnh vực ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ phù hợp, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp tục hạ lãi suất cho vay, giảm chi phí dịch vụ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi, góp phần giúp doanh nghiệp và người dân vượt khó.

Tính đến thời điểm 31/12/2021, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 9,24%,³ thấp hơn mức tăng 12,87% của năm 2020; và tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 13,61%,⁴ cao hơn mức tăng 12,17% của năm 2020.

1.2 Kết quả hoạt động kinh doanh của ACB năm 2021.

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô đó, ACB tiếp tục tăng trưởng về quy mô, đạt lợi nhuận cao, và tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng.

1.2.1 Tài sản

	Quy mô (ngàn tỷ đồng)	Mức tăng (ngàn tỷ đồng)	Tỷ lệ tăng (%)	Thực hiện / kế hoạch (%)
Tổng tài sản (i)	528	83,24	18,73	108

¹ Báo cáo số 282/BC-TCTK ngày 29/12/2021 về tình hình kinh tế xã hội quý IV và năm 2021, trang 2.

² Như trên, trang 30.

³ www.sbv.gov.vn; 25/02/2022.

⁴ Như trên.

Huy động (ii)	380	26,72	07,57	99
<i>Trong đó: Giấy tờ có giá (iii)</i>	30	8,4	38,84	191
Dư nợ cho vay (iv)	362	50,43	16,19	100
Vốn chủ sở hữu	45	09,45	26,60	-

(i) Các khoản mục trong bảng tổng kết tài sản tăng trưởng ở mức trên bình quân của ngành.

(ii) Trên cơ sở có kiểm soát mức tăng.

(iii) Trong năm 2021, ACB đã phát hành thành công 22.200 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ, kỳ hạn bình quân 2,89 năm với chi phí hợp lý, góp phần tăng quy mô nguồn vốn của ACB.

(iv) Trong đó, cho vay khách hàng cá nhân tăng 35 ngàn tỷ đồng, tương đương 18,50%.

1.2.2 Các chỉ số hoạt động.

ĐVT: %	2021	2020
Chi phí hoạt động / thu nhập	35	42
Tỷ lệ nợ nhóm 2 – 5	1,30	0,78
Tỷ lệ nợ nhóm 3 – 5	0,77	0,59
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	209	160

1.2.3 Các chỉ số hiệu quả.

Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn năm 2021 đạt 11.998 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2020 và hoàn thành 113% kế hoạch đã trình Đại hội đồng cổ đông (10.602 tỷ đồng).

ĐVT: %	2021	2020
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	1,98	1,86
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	23,90	24,31

1.2.4 Tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động.

Các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng luôn được ACB giám sát chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ quy định của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016. Các giới hạn và tỷ lệ này được duy trì ổn định trong năm 2021 và tại ngày 31/12/2021 có giá trị như sau.

DVT: %	Giá trị	Quy định
Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (v)	11,23	8
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	22,45	10
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn	22,69	40
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	79	85
Các giới hạn cấp tín dụng, giới hạn góp vốn, mua cổ phần	Nằm trong giới hạn.	

(v) Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất được duy trì trên mức 10% tại mọi thời điểm trong năm. Tỷ lệ này năm 2021 là cao hơn mức 11,06% của năm 2020.

1.3 Thực hiện nghị quyết năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông.

Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông được hoàn thành trong thời hạn quy định. Tài khoản chứng khoán của cổ đông được ghi có vào ngày 02/7/2021, ba tháng sau ngày Đại hội cổ đông thường niên (06/4/2021).

1.4 Công tác quản trị.

1.4.1 Hội đồng quản trị.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp sáu lần (trong đó có một lần họp chuyên đề về công nghệ thông tin) và thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản bốn lần đối với các vấn đề phát sinh; và ban hành tổng cộng 48 quyết định liên quan đến chủ trương, chính sách đối với các hoạt động trọng yếu, tổ chức bộ máy và nhân sự cấp quản lý. Các báo cáo quản trị công ty định kỳ 6 tháng và cả năm được thực hiện đầy đủ và báo cáo cho cơ quan quản lý Nhà nước.

Các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị gồm có Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Chiến lược và Ủy ban Đầu tư.

1.4.2 Ủy ban Quản lý rủi ro.

Ủy ban Quản lý rủi ro hiện nay có mười thành viên,⁵ trong đó có sáu thành viên thuộc Hội đồng quản trị. Trong năm 2021, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tổ chức năm phiên họp định kỳ, qua đó thảo luận các chương trình hành động ưu tiên nhằm tăng cường công tác quản lý các rủi ro trọng yếu gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động. Về quản lý rủi ro tín dụng, UBQLRR chỉ đạo Ban điều hành đảm bảo thực hiện chủ trương hỗ trợ khách hàng cá nhân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng xấu bởi dịch COVID-19, đồng thời kiểm soát tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp và ngăn ngừa các vi phạm trong công tác cấp tín dụng. Về quản lý rủi ro thanh khoản, lãi suất trên sổ ngân hàng và thị trường,

⁵ Số lượng thành viên các ủy ban là số liệu tại cuối tháng 02/2022.

chỉ đạo Ban điều hành tăng cường quản lý và kiểm soát tốt các rủi ro có khả năng phát sinh. Về quản lý rủi ro hoạt động, nhấn mạnh đến công tác quản lý rủi ro công nghệ thông tin để hoạt động kinh doanh ổn định, và đảm bảo các quy định về bảo mật thông tin được tuân thủ.

1.4.3 Ủy ban Nhân sự.

Ủy ban Nhân sự hiện nay có tám thành viên, trong đó có năm thành viên Hội đồng quản trị. Trong năm 2021, Ủy ban Nhân sự đã phê duyệt hoặc trình Hội đồng quản trị phê duyệt một số vấn đề quan trọng thuộc các phạm vi sau: (i) Đề xuất và điều chỉnh nhân sự các hội đồng chuyên môn nghiệp vụ (ii) Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại nhân sự cấp quản lý, trong đó có việc bổ nhiệm lại năm Phó Tổng giám đốc, (iii) Thông qua nguyên tắc phân bổ ngân sách nhân sự và điều chỉnh thu nhập năm 2022 và nguyên tắc triển khai chính sách định biên nhân sự năm 2021 tại Hội sở; phê duyệt danh sách thành viên Chương trình thưởng và phân phối cổ phiếu cho nhân viên hệ thống ACB (ESOP) đợt 3; phê duyệt điều chỉnh chính sách vay ưu đãi cho nhân viên, lãnh đạo cấp cao và nhân sự tiềm năng.

1.4.4 Ủy ban Chiến lược.

Ủy ban Chiến lược hiện tại gồm có sáu thành viên, trong đó có bốn thành viên Hội đồng quản trị. Trong năm 2021, Ủy ban Chiến lược tiếp tục chỉ đạo triển khai chiến lược 2019 – 2024 thông qua một số dự án chiến lược. Các dự án chiến lược này do Văn phòng Quản lý chuyên đổi chủ trì và được triển khai tương đối đúng tiến độ.

1.4.5 Ủy ban Đầu tư.

Ủy ban Đầu tư hiện có sáu thành viên, trong đó có bốn thành viên Hội đồng quản trị. Trong năm 2021, Ủy ban Đầu tư đã đưa ra định hướng đầu tư cho các công ty con đồng thời tăng cường khung quản lý các công ty con, giám sát hiệu quả hoạt động đầu tư của Tập đoàn và thoái vốn các khoản đầu tư cũ.

1.4.6 Thù lao và thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành.

(Xin xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021, phần Thuyết minh, mục 40 “Giao dịch với các bên liên quan.”)

1.5 Kết quả giám sát đối với Ban điều hành.

Hội đồng quản trị nhận thấy:

- Ban điều hành đã thực thi kế hoạch kinh doanh năm 2021 thành công, đạt các chỉ tiêu tăng trưởng về quy mô tài sản, hiệu quả hoạt động, an toàn theo đúng định hướng chiến lược hoạt động 2019 – 2024.
- Cân đối được nguồn vốn và các nguồn lực khác cho các cơ hội kinh doanh và sử dụng vốn linh hoạt và có hiệu quả.
- Đảm bảo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ được tuân thủ chặt chẽ, và hệ thống kiểm soát nội bộ được củng cố.
- Đảm bảo nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu kinh doanh.

- Xây dựng văn hóa kinh doanh năng động và lành mạnh, tạo động lực cho nhân viên đồng hành và gắn kết.

Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành.

2 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022.

2.1 Môi trường kinh doanh năm 2022.

Đối với Việt Nam, cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, việc phục hồi và phát triển nền kinh tế trong năm 2022 sẽ phụ thuộc rất lớn vào kết quả phòng chống dịch Covid-19. Áp lực lạm phát ở Việt Nam cũng phụ thuộc lớn vào khả năng phục hồi của kinh tế thế giới vì nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, hội nhập sâu, rộng với các nền kinh tế trên thế giới. Kinh nghiệm cho thấy, để ổn định kinh tế vĩ mô, chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ sẽ tiếp tục được điều hành linh hoạt, hiệu quả và có sự phối hợp.

Chính phủ đã quyết tâm “phấn đấu tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) đạt 6-6,5%,” “kiểm soát tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4%,” và “khuyến khích các tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí để phấn đấu giảm lãi suất cho vay, tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp, người dân; hướng tín dụng vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên.”⁶

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đã chỉ rõ: “Năm 2022, định hướng tín dụng tăng khoảng 14%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế.”⁷

Hoạt động ngân hàng năm 2022 mặc dù khó khăn hơn, nhưng vẫn có những cơ hội xuất phát từ kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, và kinh tế trong nước đã xuống đáy sẽ đi lên nhanh hơn. Nhu cầu tín dụng sẽ tăng cao, nhất là từ khoảng quý II năm 2022, và do đó đòi hỏi một sự chuẩn bị dài hạn hơn về nguồn vốn.

Việc quản trị và điều hành để vừa tiết giảm hợp lý chi phí vốn, vừa bảo đảm thanh khoản và nắm bắt cơ hội mở rộng cho vay là một vấn đề mà các ngân hàng sẽ đối diện thường trực trong năm 2022.

2.2 Kế hoạch hoạt động năm 2022.

Trên cơ sở dự báo môi trường kinh doanh vừa nêu, đánh giá các cơ hội và thách thức đối với hoạt động của ACB, Hội đồng quản trị phê duyệt đề xuất của Ban điều hành, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch hoạt động năm 2022 với các chỉ tiêu tài chính tín dụng chủ yếu như sau:

	Chi tiêu hợp nhất	Ước đạt	Tăng so với 2021
1	Tổng tài sản (tỷ đồng)	588.187	11%

⁶ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022.

⁷ Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 13/01/2022 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng trong năm 2022.

2	Tiền gửi khách hàng (tỷ đồng)	421.897	11%
3	Dư nợ cho vay (tỷ đồng)	398.299	10% (*)
4	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	15.018	25%
5	Tỷ lệ nợ xấu (N3 – N5)	< 2%	-

(*) Theo Công văn số 856/NHNN-CSTT ngày 21/02/2022 v/v tăng trưởng tín dụng năm 2022. Chỉ tiêu này sẽ được điều chỉnh tăng đến mức cao hơn khi có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tóm lại, trong năm 2021, ACB đã đạt kết quả rất khả quan với tài sản có mức tăng trưởng cao, có cơ cấu phù hợp và có chất lượng, có kết quả kinh doanh vượt kế hoạch, tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, củng cố và nâng cao được nhiều mặt hoạt động của ACB. Bước sang năm 2022, dự báo có nhiều thách thức và khó khăn, nhưng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và nhân viên sẽ tiếp tục nỗ lực xây dựng ACB phát triển an toàn, hiệu quả, bền vững nhằm tạo ra và bảo vệ giá trị tốt nhất cho cổ đông và các bên liên quan khác.

Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và các chỉ tiêu tài chính tín dụng trong kế hoạch hoạt động năm 2022.

Trân trọng.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Trần Hùng Huy

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 1510 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.22

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

VỀ Báo cáo của Ban kiểm soát

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Báo cáo của Ban kiểm soát ngày 08/3/2022;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 07/4/2022,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 của Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *lưu*

CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

Đính kèm:

- Báo cáo của Ban kiểm soát ngày 08/3/2022.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng Á Châu;
- Căn cứ Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết.

Ban Kiểm soát báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả thẩm định báo cáo tài chính của Ngân hàng Á Châu năm 2021 như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

1. Tổng kết các cuộc họp Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đã có 05 phiên họp giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên. Các phiên họp đều có quyết nghị, được lập thành biên bản gửi đến từng thành viên để thực hiện và thông báo HĐQT để biết.

(Phiên họp ngày 19/5/2021; ngày 22/7/2021; ngày 21/9/2021; ngày 02/12/2021; ngày 24/02/2022).

- Ban Kiểm soát còn tổ chức họp và trao đổi các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành, kiểm toán nội bộ theo yêu cầu phát sinh.

2. Giám sát hoạt động quản trị và điều hành:

a. Phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

- Ban Kiểm soát phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành để thực hiện chức năng nhiệm vụ, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng.
- Ban Kiểm soát tham gia tất cả các phiên họp của Hội đồng Quản trị; tham gia các hội nghị triển khai hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, tham dự các phiên họp Ủy ban Quản lý rủi ro... Trong các phiên họp, Ban Kiểm soát đã thông báo về hoạt động Ban Kiểm soát, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến vào nội dung của từng phiên họp về các biện pháp quản lý rủi ro, tăng cường kiểm tra kiểm soát, tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng.
- Ban Kiểm soát được Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu và các dữ liệu có liên quan để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

b. Giám sát hoạt động quản trị và điều hành:

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ngân hàng theo định hướng và mục tiêu an toàn hoạt động; nâng cao năng lực quản trị điều hành và tính minh bạch trong hoạt động Ngân hàng; xử lý các vấn đề tồn

động theo phương án cơ cấu lại Ngân hàng Á châu gắn với xử lý nợ xấu; xử lý nợ theo Nghị quyết 42 của Quốc hội; tăng cường quản trị rủi ro phù hợp với các quy định của Thông tư 13 và các quy định Nhà nước trong điều kiện giãn cách phòng chống dịch Covid; ứng dụng có hiệu quả hệ thống tin học của Ngân hàng; áp dụng các tiêu chuẩn về an toàn vốn (theo Thông tư 41).

- Hoạt động kinh doanh Ngân hàng theo định hướng bán lẻ, tập trung vào các sản phẩm truyền thống huy động, cho vay, dịch vụ Ngân hàng, đối tượng khách hàng chủ yếu là doanh nghiệp vừa, nhỏ, cá nhân theo mô hình kinh doanh đa dịch vụ; nâng cao chất lượng dịch vụ và tin học hóa sản phẩm dịch vụ Ngân hàng; Tăng tỷ trọng nguồn thu từ dịch vụ Ngân hàng; Tăng tiền gửi không kỳ hạn; Cơ cấu lại tổ chức và sắp xếp mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch; Tích cực xử lý nợ xấu, trích dự phòng rủi ro; Cơ cấu nợ theo quy định Ngân hàng Nhà nước; Tiết giảm chi phí điều hành, ...
- Ban Kiểm soát giám sát hoạt động quản trị điều hành thông qua (1) Giám sát thực hiện chỉ đạo của Chính Phủ, các chỉ thị/ kiến nghị của Ngân hàng nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát; ... liên quan đến việc thực hiện các chính sách tiền tệ, tín dụng, nâng cao năng lực quản lý điều hành, quản trị rủi ro; (2) Giám sát việc chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến các giới hạn và tỉ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng, trích dự phòng rủi ro, ...; (3) Giám sát việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid - 19; (4) Giám sát các vấn đề còn tồn đọng theo phương án cơ cấu lại Ngân hàng Á châu gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020; (5) Giám sát việc chấp hành các quy định của ACB liên quan đến chi tiêu nội bộ, huy động vốn, sử dụng vốn, giao dịch ngân quỹ, chất lượng tín dụng, ...; (6) Giám sát các hạn mức rủi ro đã được ACB thiết lập và đảm bảo tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

c. Kết quả giám sát

- Trong năm 2021 HĐQT và Ban điều hành đã chỉ đạo và điều hành hoạt động ACB theo đúng định hướng và các mục tiêu chiến lược. Tuân thủ các quy định của Luật Tổ chức tín dụng và Điều lệ ngân hàng trong quản trị và điều hành.
- ACB hoạt động an toàn và hiệu quả, đạt tăng trưởng về huy động vốn, cho vay, lợi nhuận, đạt các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông; Chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng, giảm tỷ lệ Nợ xấu, tích cực xử lý các khoản nợ xấu/ nợ tồn đọng; Cơ cấu nợ cho các khách hàng bị ảnh hưởng do dịch Covid.
- ACB đã thực hiện quy định về an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Về quản trị rủi ro, Ngân hàng đã xây dựng chiến lược, các chính sách quản trị rủi ro đối với từng loại rủi ro trọng yếu. Việc giám sát cấp cao của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành thông qua hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị và các Hội đồng thuộc Ban Điều hành.

3. Hoạt động kiểm toán nội bộ:

- Ban Kiểm soát chỉ đạo và sử dụng bộ máy Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán hàng năm được lập và báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ngân hàng Nhà nước.

- Kiểm toán nội bộ thực hiện kế hoạch kiểm toán năm và kiểm toán đột xuất theo yêu cầu, bao gồm: kiểm toán hoạt động của 80 chi nhánh và phòng giao dịch; kiểm toán các hoạt động, các quy trình, đơn vị thuộc Hội sở có phát sinh rủi ro và có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động Ngân hàng, bao gồm 11 chuyên đề: (1) Kiểm toán việc đánh giá mức đủ vốn của ACB theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN; (2) Kiểm toán hoạt động quản trị truyền thông và thương hiệu; (3) Kiểm toán việc phát hành và quản lý nợ thẻ tín dụng; (4) Kiểm toán hoạt động mua bán vốn nội bộ giữa hội sở và KPP; (5) Kiểm toán quy trình báo cáo thống kê cho Ngân hàng Nhà nước; (6) Kiểm toán quy trình thẩm định tài sản đảm bảo là bất động sản; (7) Kiểm toán hoạt động quản lý rủi ro tín dụng; (8) Kiểm toán nghiệp vụ pháp lý chứng từ; (9) Kiểm toán hoạt động vận hành tín dụng theo mô hình giải ngân tập trung; (10) Kiểm toán hoạt động huy động khách hàng cá nhân; (11) Kiểm toán quy trình/ thủ tục quản lý các sản phẩm phần mềm, ứng dụng tại Khối Công nghệ thông tin.
- Kết quả kiểm toán có các kiến nghị đề xuất nhằm khắc phục các sai sót, vi phạm; điều chỉnh, bổ sung quy định, quy trình nghiệp vụ; tăng cường hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ; kiến nghị về công tác giám sát của quản lý cấp cao; kiến nghị xử lý trách nhiệm cá nhân có sai phạm.

4. Thẩm định Báo cáo tài chính:

- Ban Kiểm soát phân công các thành viên chuyên trách kiểm tra các số liệu kế toán và thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Ngân hàng và các Công ty trực thuộc.
- Thống nhất số liệu với Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Các công việc khác:

- Giám sát chi phí điều hành được thực hiện thông qua kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ của Ngân hàng, kiểm tra kế hoạch chi phí được duyệt theo thẩm quyền.
- Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ thực hiện việc rà soát các quy chế, quy định do Hội đồng quản trị, Ban điều hành ban hành để tuân thủ các quy định Pháp luật, quy định Ngân hàng nhà nước.
- Trưởng Ban kiểm soát tham dự các hội nghị, các yêu cầu dự họp của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng.
- Thực hiện cập nhật danh sách cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.
- Theo dõi và giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Cơ quan Thanh tra giám sát, Ngân hàng nhà nước, kiểm toán độc lập.
- Báo cáo liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng theo yêu cầu của các cơ quan pháp luật.
- Báo cáo theo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng.

6. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát có 04 thành viên, 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách. Ban Kiểm soát đã thực hiện phân công phân nhiệm cho từng thành viên để thực hiện Nhiệm vụ và Quyền hạn của Ban Kiểm soát, Quyền và Nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (theo Điều 45, 46 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 56 Điều lệ Ngân hàng).
- Trong phạm vi phân công, các thành viên tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời thực hiện các quyết nghị trong từng phiên họp của Ban Kiểm soát.
- Đánh giá hoạt động Ban Kiểm soát trong năm 2021 đã thực hiện được những yêu cầu về trách nhiệm và quyền hạn của Ban Kiểm soát, đã góp phần thực hiện được các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoạt động Ngân hàng an toàn và có hiệu quả.

II. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính:

1. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty trực thuộc:

a. Nhận xét về báo cáo tài chính

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo Quyết định số 1913/2005/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.
- Các báo cáo tài chính năm 2021 của Ngân hàng được lập đúng biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 và Thông tư 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước.
- Báo cáo tài chính của Ngân hàng đã được Công ty kiểm toán PwC thực hiện kiểm toán.
- Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính đến ngày 31/12/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021; phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành áp dụng cho lĩnh vực ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

b. Về tài sản và nguồn vốn

ĐVT: Triệu đồng

TÀI SẢN	SỐ TIỀN
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	7.509.877
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	32.349.574
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	49.818.776
<i>Trừ dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác</i>	/
Chứng khoán kinh doanh	11.325.371
<i>Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</i>	(65.640)

Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	226.545
Cho vay khách hàng	361.912.538
<i>Trừ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng</i>	<i>(5.861.588)</i>
Chứng khoán đầu tư	59.482.610
<i>Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư</i>	<i>(8.006)</i>
Góp vốn đầu tư dài hạn	299.317
<i>Trừ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</i>	<i>(127.392)</i>
Tài sản cố định	3.762.548
Bất động sản đầu tư	216.027
Tài sản Có khác	6.929.387
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	527.769.944
NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	/
Tiền gửi và vay các TCTD khác	54.393.939
Tiền gửi của khách hàng	379.920.669
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	/
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	86.066
Phát hành giấy tờ có giá	30.547.883
Các khoản nợ khác	17.920.478
Vốn và các quỹ	34.455.557
<i>Trong đó: + Vốn điều lệ</i>	<i>27.019.481</i>
<i>+ Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>271.779</i>
<i>+ Cổ phiếu quỹ</i>	<i>/</i>
<i>+ Quỹ của Tổ chức tín dụng</i>	<i>7.164.297</i>
Lợi nhuận chưa phân phối	10.445.352
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	527.769.944

c. Về thu nhập và chi phí

ĐVT: Triệu đồng

THU NHẬP (1)	40.029.208
Thu nhập từ lãi	33.713.810
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4.026.460
Thu nhập từ hoạt động khác	703.159
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	20.212
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	871.556
Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	449.960
Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	244.051
CHI PHÍ (2)	28.031.096
Chi phí trả lãi	14.769.018
Chi phí hoạt động dịch vụ	1.132.497
Chi phí hoạt động khác	563.696
Chi phí quản lý chung	8.229.776
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	3.336.109
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (1) - (2)	11.998.112
Thuế thu nhập doanh nghiệp (dự kiến)	2.395.366
LỢI NHUẬN SAU THUẾ (dự kiến)	9.602.746

2. Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021:

a. Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch 2021 (%)
Tổng tài sản	Tăng 10% so với 2020 (tương ứng 488.983 tỷ)	527.770	108%
Dư nợ	Tăng 9,5% so với 2020 (tương ứng 341.070 tỷ)	361.913	106%
Tiền gửi từ khách hàng	Tăng 9% so với 2020 (tương ứng 384.984 tỷ)	379.921	99%

Lợi nhuận trước thuế	10.602	11.998	113%
Hệ số An toàn vốn	>9%	11,23%	-
Tỷ lệ nợ xấu	<2%	0,77%	-

- Tổng tài sản: 527.770 tỷ đồng, đạt 108% so với kế hoạch.
- Tiền gửi từ khách hàng: 379.921 tỷ đồng, đạt 99% so với kế hoạch, trong đó:
 - Tiền gửi cá nhân chiếm tỉ trọng lớn nhất (80%), tăng 24.487 tỷ đồng so với năm 2020.
 - Tiền gửi tổ chức chiếm tỉ trọng 20%, tăng 2.238 tỷ đồng so với năm 2020.
 - Tiền gửi bằng VND chiếm tỉ trọng 97%, tăng 25.547 tỷ đồng so với năm 2020.
 - Tiền gửi bằng ngoại tệ chiếm tỉ trọng 3%, tăng 1.178 tỷ đồng so với năm 2020.
- Tổng dư nợ tín dụng: 361.913 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch.
- Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 đến nhóm 5): 0,77% tổng dư nợ.
- Lợi nhuận trước thuế: 11.998 tỷ đồng, đạt 113% so với kế hoạch, tăng 1.396 tỷ đồng so với lợi nhuận năm 2020.

b. Các nội dung khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020.
- Đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

III. Phương hướng hoạt động năm 2022:

Phương hướng hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát có các trọng tâm như sau:

- Giám sát việc tuân thủ quy định Pháp luật, điều lệ, quy định nội bộ trong quản trị điều hành ngân hàng.
- Giám sát việc thực hiện các chỉ thị của Ngân hàng nhà nước, các kiến nghị của Cơ quan Thanh tra giám sát.
- Giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông, giám sát các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Ngân hàng, trong đó chú trọng hoạt động cấp tín dụng, vận hành công nghệ thông tin, tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động Ngân hàng.
- Chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022 (đã báo cáo Ngân hàng nhà nước) và các yêu cầu đột xuất của Ngân hàng nhà nước, của lãnh đạo Ngân hàng.
- Nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ để phù hợp với chuẩn mực kiểm toán nội bộ Việt Nam và các thông lệ quốc tế theo yêu cầu Basel II về quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ.

IV. Báo cáo kinh phí hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát:

– Kinh phí hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát được thực hiện theo chi tiết sau:

+ Thù lao Ban Kiểm soát : 6.756 triệu đồng.

+ Chi phí về hành chính, quản lý khác: 365 triệu đồng.

Mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong phạm vi thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua.

– Kế hoạch thù lao và chi phí hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát chi tiết theo Trình trình về mức thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Kính trình đại hội.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN ✓**



HUỲNH NGHĨA HIỆP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Theo kiến nghị của Hội đồng quản trị về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 của Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 07/4/2022,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 24/02/2022 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Ngân hàng TMCP Á Châu được Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

Đính kèm:

- BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2021.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ^{lưu}
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Thuyết minh	Tại ngày	
		31.12.2021 Triệu VND	31.12.2020 Triệu VND
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	7.509.867	6.967.909
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5	32.349.574	16.616.798
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	48.912.941	31.396.600
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	6.1	42.255.995	22.303.638
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác	6.1	6.656.946	9.092.962
IV Chứng khoán kinh doanh	7	10.584.641	5.986.742
1 Chứng khoán kinh doanh		10.620.680	5.986.742
2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(36.039)	-
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	226.545	54.473
VI Cho vay khách hàng	9	350.188.909	304.796.753
1 Cho vay khách hàng		355.908.308	307.617.524
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9.7	(5.719.399)	(2.820.771)
VIII Chứng khoán đầu tư	10	59.474.604	63.399.011
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10.1	9.739.539	10.790.432
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.1	49.743.071	53.048.264
3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	10.3	(8.006)	(439.685)
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	3.676.925	1.902.722
1 Đầu tư vào công ty con	11.2	3.505.000	1.805.000
2 Vốn góp liên doanh		-	1.000
3 Đầu tư vào công ty liên kết		-	200
4 Đầu tư dài hạn khác	11.3	299.317	101.827
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11.4	(127.392)	(5.305)
X Tài sản cố định	12	3.716.901	3.734.392
1 Tài sản cố định hữu hình	12.1	2.645.798	2.678.281
a Nguyên giá tài sản cố định		5.011.043	4.842.425
b Hao mòn tài sản cố định		(2.365.245)	(2.164.144)
3 Tài sản cố định vô hình	12.2	1.071.103	1.056.111
a Nguyên giá tài sản cố định		1.531.815	1.449.969
b Hao mòn tài sản cố định		(460.712)	(393.858)
XII Tài sản Có khác	13	6.963.699	7.138.349
1 Các khoản phải thu	13.1	3.154.520	3.355.934
2 Các khoản lãi, phí phải thu		3.133.049	3.607.694
3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	13.4	44.370	50.724
4 Tài sản Có khác	13.2	803.758	1.077.931
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	13.3	(171.998)	(953.934)
TỔNG TÀI SẢN		523.604.606	441.993.749

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 86 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

	Thuyết minh	Tại ngày	
		31.12.2021 Triệu VND	31.12.2020 Triệu VND
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	14	52.387.400	22.530.219
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		41.401.462	15.119.326
2 Vay các tổ chức tín dụng khác		10.985.938	7.410.893
III Tiền gửi của khách hàng	15	380.401.038	353.322.693
V Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	16	86.066	116.705
VI Phát hành giấy tờ có giá	17	30.024.128	21.606.697
VII Các khoản nợ khác		16.937.053	9.594.792
1 Các khoản lãi, phí phải trả		4.587.880	5.091.490
3 Các khoản phải trả và công nợ khác	18	12.349.173	4.503.302
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		479.835.685	407.171.106
VIII VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	43.768.921	34.822.643
1 Vốn của tổ chức tín dụng	19.1	27.291.260	21.887.364
a Vốn điều lệ		27.019.481	21.615.585
c Thặng dư vốn cổ phần		271.779	271.779
2 Quỹ của tổ chức tín dụng	19.1	6.745.497	5.381.055
5 Lợi nhuận chưa phân phối	19.1	9.732.164	7.554.224
a Lợi nhuận năm nay		7.731.836	6.369.357
b Lợi nhuận lũy kế năm trước		2.000.328	1.184.867
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		43.768.921	34.822.643
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		523.604.606	441.993.749

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 86 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	Tại ngày		
		31.12.2021 Triệu VND	31.12.2020 Triệu VND	
1	Bảo lãnh vay vốn	36.1	62.456	75.723
2	Cam kết giao dịch hối đoái	36.1	77.700.895	59.274.732
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		568.404	1.206.679
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		579.774	975.731
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		76.552.717	57.092.322
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	36.1	4.005.740	4.585.085
5	Bảo lãnh khác	36.1	8.389.456	7.726.325
6	Các cam kết khác	36.1	4.655.536	2.841.427

Nguyễn Văn Hòa

Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng

Từ Tiến Phát

Từ Tiến Phát
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật




Trần Hùng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 2 năm 2022


Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 86 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		Thuyết minh	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	20	33.226.067	31.576.778
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	21	(14.613.171)	(17.228.245)
I	Thu nhập lãi thuần		18.612.896	14.348.533
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	22	3.468.695	2.597.137
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	23	(994.682)	(1.055.954)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		2.474.013	1.541.183
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	24	872.089	687.297
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	25	101.706	106.469
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26	243.546	732.115
5	Thu nhập từ hoạt động khác		427.428	461.714
6	Chi phí hoạt động khác		(216.284)	(186.420)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	27	211.144	275.294
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	28	46.574	39.478
VIII	Chi phí hoạt động	29	(7.887.931)	(7.423.285)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		14.674.037	10.307.084
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	30	(3.320.001)	(949.770)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		11.354.036	9.357.314
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(2.251.404)	(1.891.715)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(6.354)	27.762
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	31	(2.257.758)	(1.863.953)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		9.096.278	7.493.361



 Nguyễn Văn Hòa
 Kế toán trưởng



 Từ Tiến Phát
 Tổng Giám đốc
 Người đại diện theo pháp luật



 Trần Hùng Huy
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ngày 24 tháng 2 năm 2022



Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 86 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)

	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	33.700.712	31.641.675
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(15.093.150)	(16.476.478)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	2.474.013	1.541.183
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	924.935	1.490.032
05	(Chi phí)/thu nhập khác	(7.440)	64.463
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	215.974	208.790
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(8.258.474)	(7.363.681)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(2.162.652)	(1.625.993)
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG	11.793.918	9.479.991
	Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09	Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	2.436.017	2.939.824
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(73.296)	(10.609.988)
11	(Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(172.072)	33.280
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(48.290.784)	(41.636.038)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(421.373)	(626.558)
14	Giảm khác về tài sản hoạt động	663.709	702.720
	Những thay đổi về công nợ hoạt động		
16	Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	29.857.181	3.329.536
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	27.078.345	44.828.880
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	11.277.800	1.397.800
19	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(30.639)	(39.442)
21	Tăng khác về công nợ hoạt động	7.524.365	867.925
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(1.482)	(1.156)
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	41.641.689	10.666.774


Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 86 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
(tiếp theo)

	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ")	(624.682)	(416.699)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.124	3.199
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(1.700.000)	-
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	150.000	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	41.807	97.773
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(2.129.751)	(315.727)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
02	Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	29.400
03	Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	(2.884.000)	(170.000)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(2.884.000)	(140.600)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM	36.627.938	10.210.447
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	45.888.344	35.677.897
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM	32 82.516.282	45.888.344



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng



Từ Tiến Phát
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật



Trần Hùng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 2 năm 2022



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD-HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Tại ngày	
		31.12.2021 Triệu VND	31.12.2020 Triệu VND
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	7.509.877	6.967.918
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5	32.349.574	16.616.798
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	49.818.776	31.671.245
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	6.1	43.713.230	23.311.116
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác	6.1	6.105.546	8.360.129
IV Chứng khoán kinh doanh	7	11.259.731	6.167.917
1 Chứng khoán kinh doanh		11.325.371	6.285.763
2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(65.640)	(117.846)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	226.545	54.473
VI Cho vay khách hàng	9	356.050.950	308.528.625
1 Cho vay khách hàng		361.912.538	311.478.989
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9.7	(5.861.588)	(2.950.364)
VIII Chứng khoán đầu tư	10	59.474.604	63.399.011
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10.1	9.739.539	10.790.432
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.1	49.743.071	53.048.264
3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	10.3	(8.006)	(439.685)
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	171.925	99.489
2 Vốn góp liên doanh		-	856
3 Đầu tư vào công ty liên kết		-	2.111
4 Đầu tư dài hạn khác	11.2	299.317	101.827
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11.3	(127.392)	(5.305)
X Tài sản cố định	12	3.762.548	3.782.753
1 Tài sản cố định hữu hình	12.1	2.685.070	2.716.915
a Nguyên giá tài sản cố định		5.123.414	4.949.479
b Hao mòn tài sản cố định		(2.438.344)	(2.232.564)
3 Tài sản cố định vô hình	12.2	1.077.478	1.065.838
a Nguyên giá tài sản cố định		1.579.813	1.495.882
b Hao mòn tài sản cố định		(502.335)	(430.044)
XI Bất động sản đầu tư	13	216.027	348.778
a Nguyên giá bất động sản đầu tư		216.027	356.358
b Hao mòn bất động sản đầu tư		-	(7.580)
XII Tài sản Có khác	14	6.929.387	6.893.097
1 Các khoản phải thu	14.1	3.023.499	3.045.690
2 Các khoản lãi, phí phải thu		3.171.877	3.638.207
3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	14.4	44.370	50.724
4 Tài sản Có khác	14.2	869.602	1.115.297
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	14.3	(179.961)	(956.821)
TỔNG TÀI SẢN		527.769.944	444.530.104

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 92 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

	Thuyết minh	Tại ngày		
		31.12.2021 Triệu VND	31.12.2020 Triệu VND	
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	15	54.393.939	23.875.242
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		41.380.571	15.081.349
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		13.013.368	8.793.893
III	Tiền gửi của khách hàng	16	379.920.669	353.195.838
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	17	86.066	116.705
VI	Phát hành giấy tờ có giá	18	30.547.883	22.049.697
VII	Các khoản nợ khác	19	17.920.478	9.844.459
1	Các khoản lãi, phí phải trả		4.637.581	5.097.042
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	19.1	-	67
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	19.2	13.282.897	4.747.350
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		482.869.035	409.081.941
VIII	VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	44.900.909	35.448.163
1	Vốn của tổ chức tín dụng	20.1	27.291.260	21.887.364
a	Vốn điều lệ		27.019.481	21.615.585
c	Thặng dư vốn cổ phần		271.779	271.779
2	Quý của tổ chức tín dụng	20.1	7.164.297	5.741.759
5	Lợi nhuận chưa phân phối	20.1	10.445.352	7.819.040
a	Lợi nhuận năm nay		8.180.532	6.537.045
b	Lợi nhuận lũy kế năm trước		2.264.820	1.281.995
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		44.900.909	35.448.163
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		527.769.944	444.530.104

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 92 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	Tại ngày	
		31.12.2021 Triệu VND	31.12.2020 Triệu VND
1 Bảo lãnh vay vốn	38.1	62.456	75.723
2 Cam kết giao dịch hối đoái	38.1	77.700.895	59.274.732
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		568.404	1.206.679
<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		579.774	975.731
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		76.552.717	57.092.322
4 Cam kết trong nghiệp vụ L/C	38.1	4.005.740	4.585.085
5 Bảo lãnh khác	38.1	8.389.456	7.726.325
6 Các cam kết khác	38.1	4.655.536	2.841.427

Nguyễn Văn Hòa

Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng

Từ Tiến Phát

Từ Tiến Phát
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật



Trần Hùng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 2 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 92 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B03/TCTD-HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	33.713.810	31.855.748
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(14.769.018)	(17.273.625)
I Thu nhập lãi thuần		18.944.792	14.582.123
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	23	4.026.460	2.803.484
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	24	(1.132.497)	(1.108.830)
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		2.893.963	1.694.654
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	871.556	687.187
IV Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	449.960	166.503
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	244.051	732.115
5 Thu nhập từ hoạt động khác		703.159	495.459
6 Chi phí hoạt động khác		(563.696)	(215.809)
VI Lãi thuần từ hoạt động khác	28	139.463	279.650
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	20.212	19.077
VIII Chi phí hoạt động	30	(8.229.776)	(7.624.268)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		15.334.221	10.537.041
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	31	(3.336.109)	(941.153)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế		11.998.112	9.595.888
7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(2.389.079)	(1.940.681)
8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(6.287)	27.616
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	32	(2.395.366)	(1.913.065)
XIII Lợi nhuận sau thuế		9.602.746	7.682.823
XV Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	33	2.498	2.808

Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng

Từ Tiến Phát
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật



Trần Hưng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 2 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 92 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)

		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Thuyết minh		2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	34.180.140	31.893.852
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(15.219.854)	(16.519.692)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	2.893.963	1.694.654
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	1.184.916	1.515.830
05	(Chi phí)/thu nhập khác	(94.964)	67.987
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	215.974	208.790
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(8.551.243)	(7.539.178)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(2.282.359)	(1.633.859)
		<hr/>	<hr/>
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG		12.326.573	9.688.384
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	1.756.384	2.387.428
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(478.966)	(10.555.531)
11	(Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(172.072)	33.280
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(50.433.549)	(42.778.448)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(424.885)	(626.992)
14	Giảm khác về tài sản hoạt động	620.404	677.200
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
16	Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	30.518.697	4.626.670
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	26.724.831	45.066.447
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	11.356.952	1.339.800
19	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(30.639)	(39.442)
21	Tăng khác về công nợ hoạt động	8.163.652	1.061.621
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(1.483)	(1.156)
		<hr/>	<hr/>
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	39.925.899	10.879.261

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 92 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
(tiếp theo)

	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ")	(636.100)	(423.132)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.265	3.336
04	Mua sắm bất động sản đầu tư	-	(500)
05	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư	148.453	7.220
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	21.979	17.573
II	LƯU CHUYỀN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(462.403)	(395.503)
LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
02	Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	29.400
03	Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	(2.884.000)	(170.000)
III	LƯU CHUYỀN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(2.884.000)	(140.600)
IV	LƯU CHUYỀN TIỀN THUẬN TRONG NĂM	36.579.496	10.343.158
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	46.022.071	35.678.913
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM	34 82.601.567	46.022.071

Handwritten signature

Handwritten signature



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng

Từ Tiến Phát
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

Trần Hùng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 2 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 92 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Theo kiến nghị của Hội đồng quản trị tại Tờ trình ngày 08/3/2022 về việc phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2022;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 07/4/2022,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB năm 2021	11.998.112.010.971
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.395.366.052.076
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	9.602.745.958.895
3a	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)	9.096.278.364.680
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	1.572.213.525.759
4a	Quỹ DTBSVĐL của ACB (3a x 5%)	454.813.918.234
4b	Quỹ dự phòng tài chính của ACB (3a x 10%)	909.627.836.468
4c	Quỹ của các công ty con	57.771.771.057
4d	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	150.000.000.000
5	Lợi nhuận 2021 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	8.030.532.433.136
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	2.264.819.372.236
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2021 (5+6)	10.295.351.805.372

8	Vốn điều lệ ACB	27.019.480.750.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.701.948.075
10	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2021	2.701.948.075
11	Chia cổ tức năm 2021 (25% cổ phiếu)	6.754.870.190.000
12	Lợi nhuận còn lại (7-11)	3.540.481.615.372

2. Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2022:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB năm 2022	15.018.000.000.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.003.600.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	12.014.400.000.000
3a	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)	11.494.400.000.000
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	2.002.160.000.000
	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	200.000.000.000
5	Lợi nhuận 2022 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	10.012.240.000.000
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	3.540.481.615.372
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2022 (5+6)	13.552.721.615.372
8	Vốn điều lệ ACB	27.019.480.750.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.701.948.075
10	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức 2021 (25%)	675.487.019
11	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2022 (9+10)	3.377.435.094
12	Chia cổ tức năm 2022 (25%: cổ phiếu 15%, tiền mặt 10%)	8.443.587.734.000
13	Lợi nhuận còn lại (7-12)	5.109.133.881.372

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức năm 2021 và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về phương án tăng mức vốn điều lệ từ cổ tức năm 2021 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Theo kiến nghị của Hội đồng quản trị tại Tờ trình ngày 08/3/2022 về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2021 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 07/4/2022,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua phương án tăng mức vốn điều lệ từ cổ tức năm 2021 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc tăng mức vốn điều lệ từ 27.019.480.750.000 đồng lên 33.774.350.940.000 đồng (tăng thêm 6.754.870.190.000 đồng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu, chi tiết như sau:

2.1 Mục đích phát hành:

Việc tăng vốn điều lệ là để nâng cao năng lực kinh doanh và đáp ứng yêu cầu về chuẩn mực vốn.

2.2 Phương án phát hành:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Mức vốn điều lệ hiện tại: 27.019.480.750.000 đồng.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 25%. Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 25 cổ phiếu mới.
- Số lượng tối đa cổ phiếu dự kiến phát hành: 675.487.019 cổ phiếu.
- Tổng giá trị tối đa cổ phần phát hành tính theo mệnh giá: 6.754.870.190.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi cổ tức đến thời điểm hiện tại: Không có.
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi biểu quyết đến thời điểm hiện tại: Không có.
- Số lượng cổ phiếu quỹ đến thời điểm hiện tại: Không có.
- Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ là lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi đã trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia (theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại thời điểm 31/12/2021): 10.295.351.805.372 đồng. Trong đó, số tiền để sử dụng chia cổ tức bằng cổ phiếu: 6.754.870.190.000 đồng.
- Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này.
- Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.
- Tổng số lượng tối đa cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành: 3.377.435.094 cổ phiếu.
- Mức vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: 33.774.350.940.000 đồng.
- Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ: Quý 3 năm 2022.
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2021.
- Phương thức phát hành: Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Việc phân bổ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.
- Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ

thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm Tờ trình.)

- Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. (Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm Tờ trình.)

3. Đăng ký lưu ký bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
4. Niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Điều 2. Thông qua việc thay đổi mức vốn điều lệ ghi trong Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu từ 27.019.480.750.000 đồng lên 33.774.350.940.000 đồng.

Điều 3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tăng mức vốn điều lệ:

- Bổ sung hoặc sửa đổi Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và giải trình (nếu có);
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và triển khai phát hành cho phù hợp;
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu sau khi phát hành;
- Thực hiện các thủ tục để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Ngân hàng sau khi hoàn tất đợt phát hành và phù hợp với kết quả phát hành;
- Các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

Đính kèm:

- Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2021 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ^{luân}
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy



NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 07/4/2022

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2021 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

Căn cứ:

- Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

1. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU.

1.1. Sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ.

Việc tăng vốn điều lệ là cần thiết đối với ACB vì các lý do sau:

- Thêm nguồn vốn trung, dài hạn cho các hoạt động cấp tín dụng, đầu tư trái phiếu chính phủ của Ngân hàng;
- Thêm nguồn vốn để xây dựng văn phòng làm việc, cải tạo, sửa chữa, di dời trụ sở kênh phân phối; đầu tư vào các dự án thực hiện chiến lược 2019 – 2024 của Ngân hàng;
- Nâng cao năng lực tài chính, thích ứng với những biến động của thị trường.

1.2. Kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án phát hành cổ phiếu.

ACB dự kiến thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2022 từ chia cổ tức bằng cổ phần phổ thông cho cổ đông với các chi tiết cụ thể như sau:

a. Vốn điều lệ hiện tại:

27.019.480.750.000 đồng

Trong đó,

- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành: 2.701.948.075 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu ưu đãi cổ tức đến thời điểm hiện tại: Không có
 - Số lượng cổ phiếu ưu đãi biểu quyết đến thời điểm hiện tại: Không có
 - Số lượng cổ phiếu quỹ đến thời điểm hiện tại: Không có
 - Số lượng cổ phiếu phổ thông được chia cổ tức năm 2021: 2.701.948.075 cổ phiếu
- b. Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ là lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi đã trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia (theo kết quả kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập PwC tại thời điểm 31/12/2021): 10.295.351.805.372 đồng
- Trong đó, số tiền để sử dụng chia cổ tức bằng cổ phiếu: 6.754.870.190.000 đồng
- c. Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:
- Vốn điều lệ tối đa dự kiến tăng thêm: 6.754.870.190.000 đồng
 - Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/1 cổ phần
 - Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến phát hành thêm: 675.487.019 cổ phiếu
- d. Tổng mức vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành:
- Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến sau khi phát hành: 3.377.435.094 cổ phiếu
 - Vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: 33.774.350.940.000 đồng
- e. Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ: Quý 3 năm 2022
- f. Hình thức tăng vốn và phát hành: Phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi đã trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia.
- g. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu.
- h. Tỷ lệ thực hiện quyền: 25% (phụ thuộc vào sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 25 cổ phiếu mới.
- Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này.

- Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.

- i. **Phương thức thực hiện và phát hành:** Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền. Sau khi hoàn thành các thủ tục với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, ACB sẽ quyết định và thông báo thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông.
- j. **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:** Việc phân bổ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.

*Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 95 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là $(95 * 0,25) = 23,75$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế mà cổ đông A được nhận là 23 cổ phiếu. Trong trường hợp này, số cổ phiếu lẻ 0,75 sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.*

1.3. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. (Xin xem Phụ lục 1.)

1.4. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. (Xin xem Phụ lục 2.)

2. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ BỔ SUNG VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM.

Sau khi thực hiện tăng vốn điều lệ theo phương án nêu trên, ACB sẽ thực hiện việc đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu tương ứng tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

3. KIẾN NGHỊ.

Để thuận tiện cho quá trình thực hiện phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu nêu trên, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau đây:

- Bổ sung hoặc sửa đổi Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và giải trình (nếu có);

- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và triển khai phát hành cho phù hợp;
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu sau khi phát hành;
- Thực hiện các thủ tục để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Ngân hàng sau khi hoàn tất đợt phát hành và phù hợp với kết quả phát hành;
- Các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành.

Kính trình. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH


Trần Hùng Huy

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; và Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn;
- Phụ lục 2: Tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn.

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm Tờ trình ĐHCĐ ngày 08/3/2022 về phương án tăng vốn điều lệ)

I. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn.

Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết thời điểm hiện tại:	2.701.948.075
Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ thời điểm hiện tại:	2.701.948.075
Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết sau khi tăng vốn:	3.377.435.094
Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ sau khi tăng vốn:	3.377.435.094

Stt	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Người đại diện theo pháp luật				Thời điểm hiện tại (Tính đến ngày 28/01/2022)			Sau khi tăng vốn		
				Họ tên	Số thẻ CCCD/CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Dragon Financial Holdings Limited	163266	P.O Box 71, Craigmuir Chambers, Road Town, British Virgin Islands	Dominic Timothy Charles Scriven	556682308	28/09/2018	Vương quốc Anh	186.956.999	6,92%	6,92%	233.696.249	6,92%	6,92%
Tổng cộng								186.956.999	6,92%	6,92%	233.696.249	6,92%	6,92%

II. Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn:

Không có.

Ghi chú: Thông tin cổ đông và số cổ phần sở hữu trong Phụ lục này sẽ được cập nhật vào thời điểm trình cho cơ quan quản lý Nhà nước.

mken

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

PHỤ LỤC 2

Tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn
(Đính kèm Tờ trình ĐHCĐ ngày 08/3/2022 về phương án tăng vốn điều lệ)

Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ thời điểm hiện tại: 2.701.948.075

Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 3.377.435.094

Stt	Tên cổ đông nước ngoài	Thời điểm hiện tại (Tính đến ngày 28/01/2022)		Sau khi tăng vốn	
		Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Dragon Financial Holdings Limited	186.956.999	6,92%	233.696.249	6,92%
2	Whistler Investments Limited	134.891.956	4,99%	168.614.945	4,99%
3	Sather Gate Investments Limited	134.891.956	4,99%	168.614.945	4,99%
4	Estes Investments Limited	76.041.956	2,81%	95.052.445	2,81%
5	Các cổ đông nước ngoài khác	277.801.547	10,28%	347.251.934	10,28%
	Tổng cộng	810.584.414	30,00%	1.013.230.518	30,00%

Ghi chú: Thông tin cổ đông và số cổ phần sở hữu trong Phụ lục này sẽ được cập nhật vào thời điểm trình cho cơ quan quản lý Nhà nước.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
năm 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Theo kiến nghị của Hội đồng quản trị tại Tờ trình ngày 08/3/2022 về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 07/4/2022,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2022 là 0,6% (không phải sáu phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2022.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc ủy quyền phê duyệt xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Theo kiến nghị của Hội đồng quản trị tại Tờ trình ngày 08/3/2022 về việc ủy quyền phê duyệt xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 07/4/2022,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt các trường hợp khách hàng đã xử lý rủi ro đủ điều kiện đề xuất toán ngoại bảng theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành trong từng thời kỳ.
- Điều 2.** Hội đồng quản trị báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về việc xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng (nếu có phát sinh) tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 4.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung Điều lệ về thẩm quyền quyết định mức bồi thường trong trường hợp
tổn thất về tài sản đối với khoản nợ do nguyên nhân chủ quan

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Theo kiến nghị của Hội đồng quản trị tại Tờ trình ngày 08/3/2022 về việc bổ sung Điều lệ về thẩm quyền quyết định mức bồi thường trong trường hợp tổn thất về tài sản đối với khoản nợ do nguyên nhân chủ quan;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 07/4/2022,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc bổ sung nội dung một khoản, đánh số thứ tự là 27, tại Điều 45 Điều lệ, về “Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị,” cụ thể như sau:

“27. Quyết định mức bồi thường, cơ chế bồi thường và các vấn đề khác có liên quan đến việc bồi thường trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh tổn thất về tài sản đối với khoản nợ do nguyên nhân chủ quan.”

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức họp trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Theo kiến nghị của Hội đồng quản trị tại Tờ trình ngày 08/3/2022 về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức họp trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 07/4/2022,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Giao cho Hội đồng quản trị quyền lựa chọn và quyết định phương thức tổ chức họp đại hội đồng cổ đông, thường niên hoặc bất thường, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, các hình thức điện tử khác hoặc kết hợp các hình thức trên.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy